

Biểu tổng hợp kế hoạch thu, nộp Quỹ PCTT đợt 2 năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 1014 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Tên các đơn vị, cơ quan giao kế hoạch	Kinh phí giao kế hoạch	Kinh phí 6% phân bổ hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp xã	Kinh phí 20% được phân bổ sử dụng thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã	Kinh phí 23% được phân bổ sử dụng thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp huyện	Kinh phí nộp về tài khoản Quỹ PCTT tỉnh	Ghi chú
I	Kế hoạch thu năm 2023	593.302.000	17.682.000	44.204.000	73.004.000	458.412.000	
1	Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (Chi tiết theo biểu số 02)	214.008.000				214.008.000	
2	Các huyện, thành phố (Chi tiết theo biểu số 03)	379.294.000	17.682.000	44.204.000	73.004.000	244.404.000	
-	Huyện Na Hang	99.541.000	2.580.000	6.451.000	20.817.000	69.693.000	
-	Huyện Lâm Bình	36.430.000	2.272.000	5.680.000	6.550.000	21.928.000	
-	Huyện Yên Sơn	66.534.000	1.622.000	4.054.000	13.997.000	46.861.000	
-	Huyện Chiêm Hoá	176.789.000	11.208.000	28.019.000	31.640.000	105.922.000	

Biểu chi tiết kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai đợt 2 năm 2023 đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Tên cơ quan, đơn vị giao kế hoạch thu Quỹ Phòng, chống thiên tai	Kinh phí giao kế hoạch	Thu nộp về Quỹ PCTT tỉnh	Ghi chú (thống kê đã nộp đến ngày 09/5/2023)
	Tổng cộng		214.008.000	
1	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	6.120.000	6.120.000	Đã nộp
2	Cục Quản lý thị trường	2.045.000	2.045.000	
3	Công ty Thủy điện Tuyên Quang	106.514.781	106.514.781	Đã nộp
4	Công ty TNHH FUTURE OF SOUND VINA	47.940.998	47.940.998	Đã nộp
5	Sở Giáo dục và Đào tạo			
	- Trường THPT Chuyên	3.116.000	3.116.000	Đã nộp
	- Trường PTDTNT - THPT tỉnh	3.925.000	3.925.000	Gồm kế hoạch năm 2022 và 2023
6	Sở Y tế			
	- Trung tâm kiểm soát bệnh tật	2.516.000	2.516.000	
7	Tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam VNPT Tuyên Quang	40.700.000	40.700.000	Đã nộp
8	Trung tâm Xúc tiến đầu tư	654.544	654.544	
9	Trung tâm hội nghị	476.000	476.000	Đã nộp

Biểu chi tiết kế hoạch thu, nộp Quỹ PCTT đợt 2 năm 2023 đối với các huyện, thành phố

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị: đồng

STT	Tên các huyện, thành phố	Kinh phí giao kế hoạch	Kinh phí 8% phân bổ hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp xã	Kinh phí 20% được phân bổ sử dụng thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai tại cấp xã	Kinh phí 23% được phân bổ sử dụng thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ tại cấp huyện	Kinh phí nộp về tài khoản Quỹ PCTT tỉnh	Ghi chú
I	Tổng cộng	379.294.000	17.682.000	44.204.000	73.004.000	244.404.000	
1	Huyện Na Hang (Chi tiết theo Văn bản số 1132/UBND-TH ngày 14/7/2023 của UBND huyện Na Hang)	99.541.000	2.580.000	6.451.000	20.817.000	69.693.000	Gồm kế hoạch năm 2022 và 2023
1.1	Thu cán bộ, người lao động các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học: 67 đơn vị	63.436.252			14.590.000	48.846.252	
1.2	Thu của cán bộ, công chức và người dân trong độ tuổi lao động tại các xã, thị trấn	32.255.319	2.580.000	6.451.000	5.342.000	17.882.319	
-	Thu của cán bộ, công chức tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện: 12 xã	13.525.319	1.082.000	2.705.000	2.240.000	7.498.319	
-	Thu của người lao động: 05 xã	18.730.000	1.498.000	3.746.000	3.102.000	10.384.000	
1.3	Thu của tổ chức kinh tế trên địa bàn: 03 doanh nghiệp	3.849.400			885.000	2.964.000	
2	Huyện Lâm Bình (Chi tiết theo Văn bản số 2330/UBND-NLN ngày 28/6/2023 của UBND huyện Lâm Bình)	36.430.000	2.272.000	5.680.000	6.550.000	21.928.000	Gồm kế hoạch năm 2022 và 2023
2.1	Thu cán bộ, người lao động các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học: 14 đơn vị	8.032.000			1.847.000	6.185.000	
2.2	Thu của cán bộ, công chức và người dân trong độ tuổi lao động tại các xã, thị trấn	28.398.000	2.272.000	5.680.000	4.703.000	15.743.000	
-	Thu của cán bộ, công chức tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện: 03 xã	2.788.000	223.000	558.000	462.000	1.545.000	
-	Thu của người lao động: 03 xã	25.610.000	2.049.000	5.122.000	4.241.000	14.198.000	

3	Huyện Yên Sơn (Chi tiết theo Văn bản số 2480/UBND-NLN ngày 31/8/2023 của UBND huyện Yên Sơn)	66.534.000	1.622.000	4.054.000	13.997.000	46.861.000	
3.1	Thu cán bộ, người lao động các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học: 35 đơn vị	44.761.139			10.295.000	34.466.139	
3.2	Thu của cán bộ, công chức và người dân trong độ tuổi lao động tại các xã, thị trấn	20.272.401	1.622.000	4.054.000	3.357.000	11.239.401	
-	Thu của cán bộ, công chức tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện: 06 xã	4.172.401	334.000	834.000	691.000	2.313.401	
-	Thu của người lao động: 03 xã	16.100.000	1.288.000	3.220.000	2.666.000	8.926.000	
3.3	Thu của tổ chức kinh tế trên địa bàn: 01 doanh nghiệp	1.500.000			345.000	1.155.000	
4	Huyện Chiêm Hoá (Chi tiết theo Văn bản số 1600/UBND-NLN ngày 14/7/2023 của UBND huyện Chiêm Hoá)	176.789.000	11.208.000	28.019.000	31.640.000	105.922.000	
4.1	Thu cán bộ, người lao động các cơ quan, đơn vị hành chính, trường học: 39 đơn vị	25.165.251			5.788.000	19.377.000	
4.2	Thu của cán bộ, công chức và người dân trong độ tuổi lao động tại các xã, thị trấn	140.098.634	11.208.000	28.019.000	23.201.000	77.671.000	
-	Thu của cán bộ, công chức tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện: 18 xã	11.936.634	955.000	2.387.000	1.977.000	6.618.000	
-	Thu của người lao động: 10 xã	128.162.000	10.253.000	25.632.000	21.224.000	71.053.000	
4.3	Thu của tổ chức kinh tế trên địa bàn: 01 doanh nghiệp	11.525.100			2.651.000	8.874.000	